

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2019/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1982; địa chỉ cư trú: Xóm 4, ấp An Dưỡng I, xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Ấp Ngọc Bình, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và Chị Nguyễn Thị H tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2007. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tánh tình không hợp, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống anh và Chị H có một con chung tên Nguyễn Ngọc Uyên Nhung, sinh ngày: 18/02/2008, hiện con đang chung sống với anh S, do anh S nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay anh S khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Về con chung: Anh S yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con, không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung: Không có.

Chị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập Chị H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng Chị H vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Chị H nên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Chị H theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Anh S và Chị H chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Tân, huyện Hoài

Nhơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân từ năm 2011, từ đó đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Syêu cầu được ly hôn với Chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh Syêu cầu được quyền nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Uyên Nhung, sinh ngày: 18/02/2008, không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của anh S là có cơ sở chấp nhận – Bởi lẽ xét thấy hiện nay dưới sự chăm sóc, giáo dục của anh S cháu Nhung đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Anh S cũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc khác tại bản tự khai ngày 22/5/2019 cháu Nhung có nguyện vọng tiếp tục chung sống với anh S. Xét yêu cầu nuôi con của anh S và nguyện vọng của cháu Nhung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án ghi nhận. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Syêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001164 ngày 22/4/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Anh Nguyễn Văn S được ly hôn với Chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Nhung muốn được tiếp tục chung sống với anh S. Anh S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc

Uyên Nhung, sinh ngày: 18/02/2008 cho đến khi trưởng thành (*trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật*). Anh Skhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn anh Sphải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Sđã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001164 ngày 22/4/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/7/2019, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm